

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Khóa thi: ngày 21/05/2022

(theo quyết định số: 18 /QĐ/TTNNTH, ngày 24 tháng 5 năm 2022)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
1	22CB3033	Ngô Thị Anh	20/11/1983	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	8.5	Đạt
2	22CB3034	Triệu Tuấn Anh	03/03/1987	Hải Dương	Nam	Kinh	7.3	9.5	Đạt
3	22CB3035	Lương Đức Anh	29/05/2001	Đà Nẵng	Nam	Kinh	7.7	9.5	Đạt
4	22CB3036	Phan Thị Bửu	01/01/1978	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.5	Đạt
5	22CB3037	Đoàn Thị Cảnh	05/10/1989	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.7	9.0	Đạt
6	22CB3038	Trần Thị Chung	08/08/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	5.0	Đạt
7	22CB3039	Phạm Thị Huỳnh Công	24/02/1983	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	8.0	Đạt
8	22CB3040	Nguyễn Thế Công	06/02/1989	Quảng Bình	Nam	Kinh	8.3	9.0	Đạt
9	22CB3041	Nguyễn Thị Anh Đào	08/10/1958	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.0	8.5	Đạt
10	22CB3042	Đinh Thị Đào	20/11/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.3	8.0	Đạt
11	22CB3043	Lê Thị Thùy Diệu	08/06/1996	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	5.0	Đạt
12	22CB3044	Trương Thị Duyên	10/06/1991	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	7.0	Đạt
13	22CB3045	Đào Thị Hương Giang	02/09/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.5	Đạt
14	22CB3046	Trần Thị Thu Hà	18/12/1996	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.3	8.0	Đạt
15	22CB3047	Hồ Lê Hân	26/09/1985	Đà Nẵng	Nam	Kinh	7.3	8.5	Đạt
16	22CB3048	Nguyễn Thị Hạnh	09/10/1993	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.0	6.5	Đạt
17	22CB3049	Trần Thị Thu Hiền	18/09/1985	Nghệ An	Nữ	Kinh	5.0	8.0	Đạt
18	22CB3050	Lê Thị Thu Hiền	01/01/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	6.0	Đạt
19	22CB3051	Nguyễn Thị Bích Hiệp	10/08/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.0	8.5	Đạt
20	22CB3052	Trần Thiện Khiêm	05/08/1979	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	5.5	Đạt
21	22CB3053	Trương Thị Lệ	15/09/1989	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.3	7.5	Đạt
22	22CB3054	Võ Thị Ngọc Liên	12/04/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.5	Đạt
23	22CB3055	Ngô Thị Khánh Linh	20/02/1994	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
24	22CB3056	Đoàn Thị Loan	17/02/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	5.0	Đạt
25	22CB3057	Ngô Thị Lụa	10/02/1994	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.3	6.0	Đạt
26	22CB3058	Ngô Thị Sa Ly	15/03/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.7	8.0	Đạt
27	22CB3059	Phan Thị Ly Ly	07/06/1991	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.7	6.0	Đạt
28	22CB3060	Trương Thị Mai	20/10/1985	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	9.0	Đạt

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
29	22CB3061	Phan Thị Thanh Mận	25/12/1978	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
30	22CB3062	Nguyễn Thị Hòa Mi	20/12/1989	Đăk Lăk	Nữ	Kinh	5.0	6.5	Đạt
31	22CB3063	Nguyễn Thị Minh	08/08/1989	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.5	Đạt
32	22CB3065	Nguyễn Thị Thúy Nga	02/10/1987	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.3	7.5	Đạt
33	22CB3066	Lê Văn Ngọc	01/01/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	6.5	Đạt
34	22CB3067	Phan Bích Ngọc	03/05/1986	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
35	22CB3068	Lê Thị Nhung	06/08/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.5	Đạt
36	22CB3069	Võ Thị Hồng Oanh	29/10/1994	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	6.5	Đạt
37	22CB3070	Phạm Thị Phú	07/03/1983	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	5.0	Đạt
38	22CB3071	Phan Văn Phú	11/06/1979	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.0	6.5	Đạt
39	22CB3072	Nguyễn Văn Quyền	08/02/1974	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	6.0	Đạt
40	22CB3073	Lương Minh Sâm	12/10/1955	Quảng Nam	Nam	Kinh	8.0	9.0	Đạt
41	22CB3074	Huỳnh Tấn Sanh	06/12/1980	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.3	6.0	Đạt
42	22CB3076	Võ Thị Thanh Tâm	17/05/1994	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	8.5	Đạt
43	22CB3077	Trần Thị Thanh	07/08/1979	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.3	7.5	Đạt
44	22CB3078	Trần Thị Thanh	25/12/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.3	5.0	Đạt
45	22CB3079	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/12/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.7	8.5	Đạt
46	22CB3080	Nguyễn Ngọc Thịnh	02/05/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	7.5	Đạt
47	22CB3081	Võ Thị Bích Thu	06/05/1987	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
48	22CB3082	Võ Thị Lệ Thu	02/09/1986	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	8.5	Đạt
49	22CB3083	Huỳnh Văn Thu	11/10/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	5.5	Đạt
50	22CB3084	Nguyễn Thị Minh Thương	01/01/1987	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
51	22CB3085	Phan Hoàng My Thương	08/02/1989	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	9.0	Đạt
52	22CB3086	Nguyễn Thị Thương	15/03/1993	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.5	Đạt
53	22CB3087	Phan Thị Thanh Thúy	01/04/1994	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	5.5	Đạt
54	22CB3088	Đinh Thị Thu Thủy	08/03/1985	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.3	6.5	Đạt
55	22CB3089	Bùi Thị Kim Tiến	11/08/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	5.5	Đạt
56	22CB3090	Lê Thị Minh Toàn	01/10/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.7	5.5	Đạt
57	22CB3091	Nguyễn Thị Thanh Trà	25/09/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	8.5	Đạt
58	22CB3092	Mai Ngọc Trâm	10/05/1992	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
59	22CB3105	Đoàn Thị Trang	18/02/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	9.5	Đạt
60	22CB3104	Trương Văn Trí	15/05/1979	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	8.0	9.5	Đạt
61	22CB3093	Võ Thành Trung	24/06/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5.3	8.5	Đạt
62	22CB3094	Văn Phú Tuấn	20/07/1987	Quảng Nam	Nam	Kinh	10.0	9.5	Đạt

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
63	22CB3095	Trương Thị Thanh Tuyền	20/08/1991	Phú Yên	Nữ	Kinh	5.0	6.5	Đạt
64	22CB3096	Bùi Thị Thúy Vân	10/06/1996	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
65	22CB3097	Nguyễn Thị Hồng Vân	11/08/1994	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	8.5	Đạt
66	22CB3098	Nguyễn Thị Vi	05/07/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5.0	6.5	Đạt
67	22CB3099	Bùi Thị Hồng Vĩ	03/04/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	6.0	Đạt
68	22CB3100	Bùi Văn Viễn	06/01/1988	Quảng Nam	Nam	Kinh	9.3	9.0	Đạt
69	22CB3101	Bùi Thị Vinh	28/08/1989	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	9.0	Đạt
70	22CB3102	Tăng Văn Vương	13/02/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	5.0	6.5	Đạt
71	22CB3103	Ngô Thị Kim Xuân	14/03/1990	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.0	7.5	Đạt

Danh sách này có: 71 (thí sinh)